

Số: /BC-VHXXH

Bắc Nha Trang, ngày tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả rà soát mạng lưới trường lớp, đánh giá kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông

Thực hiện Công văn số 3839/UBND-VHXXH ngày 26/12/2025 của UBND phường Bắc Nha Trang về việc rà soát mạng lưới trường lớp, đánh giá kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông,

Qua tổng hợp báo cáo từ các cơ sở giáo dục, Phòng Văn hóa - Xã hội báo cáo kết quả thực hiện, cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm địa bàn, dân cư, địa hình, quy mô

- Theo Nghị quyết 1667/QH-UVBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Khánh Hòa năm 2025, phường Bắc Nha Trang mới được thành lập trên cơ sở sáp nhập 06 xã, phường cũ (xã Vĩnh Lương, xã Vĩnh Phương, phường Vĩnh Hòa, phường Vĩnh Hải, phường Vĩnh Thọ, phường Vĩnh Phước) gồm 66 tổ dân phố. Hiện nay, trên địa bàn phường có 26 đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo (gồm: 09 trường mầm non, 11 trường tiểu học, 06 trường trung học cơ sở) với 19 điểm trường lẻ.

- Phường Bắc Nha Trang là nơi tập trung các dịch vụ và du lịch. Đặc điểm hạ tầng giao thông phức tạp với nhiều hẻm nhỏ và các trục đường huyết mạch thường xuyên ùn tắc vào giờ cao điểm. Mật độ dân cư rất cao, đặc biệt là dân cư tạm trú và lao động tự do, tạo áp lực lớn lên hệ thống giáo dục công lập.

- Hiện tại trên địa bàn phường, nhiều cơ sở giáo dục đã xuống cấp, diện tích đất nhỏ, không đáp ứng được tiêu chuẩn diện tích đất/học sinh được hướng dẫn tại Công văn số 4787/SGDĐT-QLCL của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn triển khai thực hiện tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường học có đính kèm Phụ lục I, II, III, IV, V (đã được tích hợp Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT với Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT). Vì vậy, để tiếp tục duy trì việc đánh giá kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn phường đòi hỏi phải có lộ trình quy hoạch lại quỹ đất dài hạn.

- Trong những năm học gần đây, do sự gia tăng đột biến các dự án chung cư cao tầng như Căn hộ Mường Thanh Viễn Triều, Chung cư Hoàng Quân...và Dự án Nhà ở xã hội Hưng Phú 2 đã được khởi công sẽ tạo áp lực lớn trong công tác tuyển sinh đầu cấp của các cấp học trong những năm học tiếp theo.

2. Quy mô trường, lớp, học sinh

- Toàn phường hiện có 26 trường công lập (trong đó mầm non 09 trường; tiểu học 11 trường; trung học cơ sở là 06 trường) và 16 điểm trường lẻ; có 499 lớp với 19.364 học sinh từ cấp học mầm non đến THCS. Cụ thể:

+ Giáo dục mầm non: Có 09 trường, 80 lớp, 2.096 học sinh, trường ít nhóm/lớp nhất có 04 nhóm/lớp, trường nhiều nhóm/lớp nhất là 18 nhóm/lớp.

+ Giáo dục tiểu học: Có 11 trường, 248 lớp với 9.680 học sinh. Trường ít lớp nhất có 11 lớp, trường nhiều lớp nhất có 30 lớp.

+ Giáo dục THCS: Có 06 trường, 171 lớp với 7.588 học sinh. Trường ít lớp nhất có 15 lớp, trường nhiều lớp nhất có 48 lớp.

3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Toàn phường có 51 lãnh đạo quản lý trường học, trong đó Hiệu trưởng 18 người (MN 06 người; TH 08 người, THCS 04 người). Phó hiệu trưởng 33 người (MN 11 người; TH 14 người; THCS 08 người).

- Tổng số giáo viên 864 người. Chia ra:

+ Mầm non: 159 người.

+ Tiểu học: 392 người.

+ Trung học cơ sở: 313 người.

- Tổng số nhân viên 248 người. Chia ra:

+ Mầm non: 104 người.

+ Tiểu học: 90 người.

+ Trung học cơ sở: 54 người.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG QUY MÔ, MẠNG LƯỚI TRƯỜNG LỚP

1. Cấp Mầm non

a) Về quy mô và công tác tuyển sinh

- Địa bàn phường Bắc Nha Trang có nhiều trường mầm non ngoài công lập (có 05 trường mầm non và 50 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập). Vì vậy, công tác tuyển sinh đầu cấp vừa thuận lợi nhưng cũng tạo áp lực cho các trường mầm non công lập.

- Công tác tuyển sinh tại các trường đóng ở khu vực phường Vĩnh Hòa, Vĩnh Hải là tương đối ổn định như trường MN Sao Biển, MN Vĩnh Hòa, Mầm non Hướng Dương.

- Một số trường nhỏ, cơ sở vật chất xuống cấp, không có sân chơi nên không đủ chỉ tiêu tuyển sinh (MN Vĩnh Phương 1, MN Vĩnh Phương 2). Một số trường có cơ sở vật chất khang trang nhưng do khu vực tập trung có nhiều trường ngoài công lập nên chỉ tiêu tuyển sinh vẫn còn chưa đủ (MN Sao Biển, MN Hướng Dương).

b) Về cơ sở vật chất:

- Đa số các trường thiếu phòng chức năng chuyên biệt: Thư viện, phòng Nghệ thuật, phòng Giáo dục thể chất, nhà kho...và thiếu sân chơi ngoài trời hoặc cây xanh bóng mát có độ che phủ cao.

- Một số công trình của cơ sở giáo dục xuống cấp nhanh do gần biển (MN Vĩnh Thọ) hoặc hư hỏng thiết bị do ngập lụt hàng năm (MN Vĩnh Phương 1, MN Vĩnh Phương 2).

- Diện tích đất/trẻ tại nhiều trường chưa đạt chuẩn quy định mới theo Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT do quỹ đất địa phương hạn hẹp (MN Vĩnh Hải, MN Vĩnh Thọ, MN Vĩnh Phước, MN Vĩnh Phương 1).

- Hệ thống an toàn: Nhiều cơ sở xây dựng trước đây chưa có hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động như trường MN Hướng Dương.

c) Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Đội ngũ CBQL có thâm niên, năng lực quản lý tốt. Giáo viên 100% đạt chuẩn trình độ đào tạo, yêu nghề, mến trẻ.

- Biên chế đội ngũ CBQL ở một số trường còn thiếu Hiệu trưởng trong thời gian dài (MN Vĩnh Thọ và MN Vĩnh Phước, MN Vĩnh Phương 2)

2. Cấp Tiểu học

a) Về quy mô và công tác tuyển sinh

- Công tác tuyển sinh của các trường đều vượt chuẩn 35 HS/lớp so với quy định do biến động về dân số, do sự gia tăng đột biến các dự án chung cư cao tầng, do tiếp nhận học sinh điều chuyển từ các nơi khác về. Có những trường có sĩ số quá cao như trường TH Vĩnh Hòa 1 (42 HS/lớp), TH Vĩnh Phước 2 (42 HS/lớp), TH Vĩnh Lương 1 (44 HS/lớp tại điểm trường chính).

b) Về cơ sở vật chất

- Diện tích đất/học sinh tại nhiều trường chưa đạt chuẩn quy định mới theo Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT do quỹ đất địa phương hạn hẹp (TH Vĩnh Hải 1, TH Vĩnh Hòa 1, TH Vĩnh Phương 1, TH Vĩnh Thọ, TH Vĩnh Phước 1...).

- Nhiều trường còn thiếu các phòng học bộ môn (Ngoại ngữ, Tin học, Mỹ thuật), nhà đa năng, phòng sinh hoạt Đội, kho thiết bị và y tế và khu vệ sinh đạt chuẩn. Đặc biệt, trường TH Vĩnh Thọ phải trưng dụng 02 phòng bộ môn để làm phòng học thông thường nhằm đáp ứng số lớp tăng thêm từ năm học 2021-2022.

- Một số trường xây dựng trên khu vực thấp trũng (TH Vĩnh Phương 1, TH Vĩnh Phương 2, TH Vĩnh Phước 1) thường xuyên bị ngập lụt mùa mưa; nhiều trường có các công trình xây dựng từ giai đoạn 1992-1993 (TH Vĩnh Thọ, TH Vĩnh Hải 2) nên cơ sở vật chất nhanh xuống cấp.

- Nhiều trường phải duy trì 2-3 điểm trường (TH Vĩnh Lương 1, TH Vĩnh Phước 1, TH Vĩnh Phước 2, TH Vĩnh Hải 2) gây khó khăn trong công tác quản lý chung.

- Về thiết bị dạy học: Các trường chưa được cấp phát đồng bộ thiết bị dạy học tối thiểu cho khối 3, 4, 5 theo Chương trình 2018.

c) Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Biên chế đội ngũ CBQL ở một số trường còn thiếu Hiệu trưởng (TH Vĩnh Lương 1, TH Vĩnh Thọ, TH Vĩnh Hải 2)

- Biên chế giáo viên, nhân viên của hầu hết các trường còn thiếu so với định mức (TH Vĩnh Lương 2, TH Vĩnh Hòa 1, TH Vĩnh Hòa 2, TH Vĩnh Phương 1, TH Vĩnh Phương 2, TH Vĩnh Thọ).

3. Cấp Trung học cơ sở

a) Về quy mô và công tác tuyển sinh

- Công tác tuyển sinh tại các trường không đồng đều, một số trường có sĩ số học sinh/lớp cao như trường THCS Lý Thái Tổ và THCS Mai Xuân Thưởng (từ 44-45 HS/lớp) do biến động về dân số, do sự gia tăng đột biến các dự án chung cư cao tầng, do tiếp nhận học sinh điều chuyển từ các nơi khác về. Tuy nhiên, bên cạnh đó có trường THCS Nguyễn Công Trứ có sĩ số học sinh lại thấp (751 học sinh, tỷ lệ bình quân 41,7HS/lớp).

b) Về cơ sở vật chất

- Diện tích đất/học sinh tại nhiều trường chưa đạt chuẩn quy định mới theo Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT như trường THCS Mai Xuân Thưởng, THCS Lý Thường Kiệt.

- Nhiều trường còn thiếu phòng học bộ môn, phòng đa chức năng (THCS Mai Xuân Thưởng, THCS Nguyễn Công Trứ, THCS Lý Thường Kiệt).

- Các trường chưa được cấp phát đồng bộ thiết bị dạy học tối thiểu cho khối 7, 8, 9 theo Chương trình 2018.

- Thiết bị dạy học một số trường đã cũ và hư hỏng. Máy tính, máy chiếu, ti vi thông minh còn hạn chế so với nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

c) Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Biên chế đội ngũ CBQL ở một số trường còn thiếu Hiệu trưởng (THCS Nguyễn Viết Xuân, THCS Lý Thường Kiệt)

- Biên chế giáo viên, nhân viên theo quy mô lớp, theo bộ môn đặc thù còn thiếu so với định mức (THCS Mai Xuân Thưởng, THCS Nguyễn Viết Xuân, THCS Nguyễn Công Trứ, THCS Lý Thường Kiệt).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Được sự quan tâm của Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN phường nên chất lượng giáo dục và tạo tạo trên địa bàn phường ngày càng nâng cao.

- Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, đạt chuẩn và trên chuẩn, nhiệt huyết và tâm huyết với nghề.

- Duy trì tốt tỉ lệ huy động học sinh ra lớp và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở cấp tiểu học đạt 100%, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện; phần đầu 02 trường THCS tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và các trường còn lại có 01 khối lớp tổ chức học 2 buổi/ngày.

- Công tác bán trú và phối hợp giữa gia đình, nhà trường, chính quyền địa phương ngày càng chặt chẽ, tạo sự tin tưởng trong nhân dân.

2. Tồn tại, hạn chế

- Phần lớn cơ sở vật chất các trường học xây dựng đã có thời gian sử dụng nhiều, diện tích phòng học nhỏ, thiếu phòng bộ môn và sân chơi bãi tập theo tiêu chuẩn mới, một số cơ sở chưa đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy theo quy định (đặc biệt là các điểm trường lẻ).

- Tốc độ tăng dân số cơ học tại các khu chung cư, căn hộ, nhà ở xã hội mới khiến mạng lưới trường lớp chưa kịp thích ứng, thừa thiếu cục bộ.

- Kinh phí chi thường xuyên chỉ đủ cho các hoạt động nhỏ, chưa đủ để cải tạo lớn hoặc hiện đại hóa thiết bị công nghệ thông tin và cung cấp thiết bị theo chương trình 2018.

- Diện tích đất/học sinh tại nhiều trường chưa đạt chuẩn quy định mới theo Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

1. Về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất

a) Có kế hoạch đầu tư xây mới

- Có kế hoạch đầu tư xây dựng mới các trường cấp TH, THCS ở những nơi có mật độ dân cư cao do hình thành các chung cư, căn hộ, nhà ở xã hội ở các địa bàn phường cũ như Vĩnh Hòa, Vĩnh Hải, Vĩnh Thọ.

- Xây dựng thêm các phòng học, phòng học đa năng phòng học bộ môn Ngoại ngữ, Mĩ thuật Âm nhạc; phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ cho các trường còn thiếu theo quy định của Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT.

b) Cải tạo và sửa chữa

- Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho các cơ sở giáo dục (Trường MN Hướng Dương).

- Xử lý hệ thống thoát nước chống ngập tại các trường.

- Sửa chữa các công trình của cơ sở giáo dục xuống cấp nhanh do gần biển, khu vực ngập lụt.

- Cải tạo, mở rộng một số phòng học chức năng để đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT.

- Cải tạo, nâng tầng cho các trường có diện tích đất quá hẹp so với quy định hiện hành để đáp ứng nhu cầu mở rộng lớp học.

2. Về quy hoạch mạng lưới

a) Mở rộng quỹ đất cho diện tích các cơ sở giáo dục

- Mở rộng quỹ đất cho các cơ sở giáo dục trên cơ sở quỹ đất lân cận còn có thể mở rộng để đảm bảo việc duy trì trường chuẩn quốc gia theo quy định mới của Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT

- Mở rộng quỹ đất trên cơ sở quỹ đất lân cận hoặc tận dụng cơ sở vật chất còn dôi dư sau sáp nhập theo hướng tập trung dài hạn (Trường TH Vĩnh Phương 1).

b) Điều chỉnh hướng tuyển sinh cho các trường

Điều chuyển học sinh từ các khu vực có mật độ dân cư cao sang các trường có mật độ dân cư trung bình để tránh quá tải, vượt quy định so với điều lệ trường học.

3. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Bổ sung biên chế CBQL tại các trường còn thiếu, hiện tại do Hiệu phó phụ trách đảm nhận.

- Có kế hoạch bổ sung biên chế giáo viên, nhân viên cho các trường còn đang thiếu hụt theo quy mô lớp, theo bộ môn đặc thù.

4. Về thiết bị dạy và học

- Đẩy nhanh việc cung cấp thiết bị đảm bảo theo Chương trình GDPT 2018 cho cấp TH (khối 3, 4, 5) và cấp THCS (khối 7, 8, 9).

- Thay mới đồ dùng, đồ chơi hư hỏng do ngập lụt hàng năm.

- Bổ sung thiết bị dạy học, đầu tư thiết bị CNTT (máy tính, máy chiếu, tivi thông minh) cho các trường học còn thiếu.

- Nâng cấp và trang bị phòng chức năng hiện có: Thư viện, phòng đọc, phòng tư vấn... đảm bảo diện tích, bàn ghế, thiết bị theo chuẩn tối thiểu.

Trên đây là báo cáo kết quả rà soát mạng lưới trường lớp, đánh giá kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn phường của phòng Văn hóa - Xã hội/.

(Đính kèm Bảng thống kê quy mô chi tiết các cấp học)

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy phường (B/c);
- TT HĐND phường (B/c);
- TT UBND phường (B/c);
- Chủ tịch, các Phó CT UBND phường;
- Phòng KT, HT&ĐT;
- Các trường MN, TH, THCS;
- Công thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, Lâm.

TRƯỞNG PHÒNG

Bùi Viên Nhiệm

PHỤ LỤC
BẢNG THỐNG KÊ QUÝ MÔ CHI TIẾT

1. Cấp học Mầm non

STT	Tên trường	Số nhóm/ lớp	Tổng số trẻ	Số điểm lẻ	Ghi chú
01	MN Vĩnh Thọ	04	107	01	Điểm lẻ (17 Hồ Tùng Mậu). Cơ sở vật chất trường đã xuống cấp, diện tích đất nhỏ chiếm 61,5% (sân vườn chỉ đạt 38,5%).
02	MN Hướng Dương	09	246		Nguồn kinh phí còn hạn hẹp nên chưa cải tạo cải tạo các phòng chức năng (phòng thư viện, nhà kho, phòng giáo dục thể chất). Đây là các tiêu chí thuộc Tiêu chuẩn cơ sở vật chất. Chưa có hệ thống PCCC tự động.
03	MN Sao Biển	12	321	01	Điểm lẻ (81 Ngô Văn Sở). Do ảnh hưởng lớn từ nhóm dân cư tạm trú nên sĩ số không ổn định
04	MN Vĩnh Hải	04	110		Diện tích đất nhỏ hẹp, hệ thống phòng cháy chữa cháy chưa đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.
05	MN Vĩnh Hòa	10	286	01	Điểm lẻ (13 Lê Nghi)
06	MN Vĩnh Lương	18	537	02	Điểm lẻ (TDP Võ Tánh 2; TDP Cát Lợi). Khoảng cách di chuyển giữa các điểm trường lẻ tương đối xa (1km - 1,5km) gây khó khăn trong công tác quản lý.
07	MN Vĩnh Phước	09	193	02	Điểm lẻ (65/9 Ngô Đến, 240 Đường 2/4). Diện tích đất nhỏ chiếm 68,03% (sân vườn chỉ đạt 31,97%).
08	MN Vĩnh Phương 1	07	158	02	Điểm lẻ (TDP Xuân Phú, TDP Trung). Các điểm trường nằm trong khu vực trũng nên ngập lụt thường xuyên, nên cơ sở vật chất xuống cấp.
09	MN Vĩnh Phương 2	07	138	01	Điểm lẻ (TDP Tây). Tuyển sinh chỉ đạt 81,1%, có phòng học nhưng không tuyển sinh được

2. Cấp học Tiểu học

STT	Tên trường	Số lớp	Tổng số học sinh	Số điểm lẻ	Ghi chú
01	TH Vĩnh Hải 1	27	1077		Diện tích đất/học sinh theo quy định không đạt.
02	TH Vĩnh Hải 2	30	1187	1	Diện tích đất/học sinh theo quy định không đạt.
03	TH Vĩnh Hòa 1	30	1260		Diện tích phòng học thực tế thấp hơn so với quy định. Tỷ lệ 42 học sinh/lớp là quá cao so với quy định.
04	TH Vĩnh Lương 1	22	785	1	Khoảng cách giữa hai điểm trường cách nhau 3 km dẫn đến khó khăn trong quản lý
05	TH Vĩnh Phước 1	19	688	2	Diện tích đất/học sinh theo quy định không đạt.
06	TH Vĩnh Phước 2	30	1241	1	Tỷ lệ 41,5 học sinh/lớp là quá cao so với quy định.
07	TH Vĩnh Phương 1	20	734		Diện tích đất/học sinh theo quy định không đạt. Trường nằm trong khu vực thấp trũng gây ngập úng thường xuyên nên ảnh hưởng cơ sở vật chất xuống cấp.
08	TH Vĩnh Phương 2	11	408		Diện tích đất/học sinh theo quy định không đạt. Trường nằm trong khu vực thấp trũng gây ngập úng thường xuyên nên ảnh hưởng cơ sở vật chất xuống cấp. Bàn ghế học sinh xuống cấp, không phù hợp quy chuẩn mới.
09	TH Vĩnh Thọ	20	810		Diện tích đất/học sinh theo quy định không đạt. Từ năm học 2021-2022 đến nay, trường tăng thêm 2 lớp và điều chuyển 2 phòng học bộ môn thành phòng học cho HS.
10	TH Vĩnh Lương 2	15	568		Giảm 01 lớp trong năm học 2025-2026 do không hợp đồng được giáo viên.
11	TH Vĩnh Hòa 2	24	922	1	Một số môn chuyên biệt còn thiếu giáo viên cục bộ.

3. Cấp học Trung học cơ sở

STT	Tên trường	Số lớp	Tổng số học sinh	Số điểm lẻ	Ghi chú
01	THCS Lý Thái Tổ	42	1921		Tỷ lệ 45-46 học sinh/lớp là cao so với quy định.
02	THCS Lý Thường Kiệt	15	648		Diện tích đất/học sinh theo quy định không đạt.
03	THCS Mai Xuân Thưởng	48	2147		Diện tích đất/học sinh theo quy định không đạt. Trường có 24 phòng/48 lớp, bình quân 0,5 phòng/1 lớp, chưa đảm bảo phòng học để dạy 2 buổi/ngày.
04	THCS Nguyễn Công Trứ	18	751		Trường xây dựng từ năm 2005 và nằm trong vùng ngập nên CSVC đang xuống cấp như hệ thống cửa hư hỏng nhiều; tường chắn hành lang, cầu thang xuống cấp, trần nhà bong tróc.
05	THCS Nguyễn Khuyến	25	1134		Chưa bổ nhiệm mới Hiệu trưởng. Diện tích đất/học sinh theo quy định không đạt. Diện tích sân trường còn nhỏ và hiện chưa có phòng đa chức năng.
06	THCS Nguyễn Viết Xuân	23	987		Chưa bổ nhiệm mới Hiệu trưởng.